

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 318/2022/DS-PT

Ngày: 16 - 12 - 2022

V/v tranh chấp: “*Thừa kế theo
di chúc; di sản dùng vào việc
thờ cúng*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Văn Đạt**

Bà **Nguyễn Ái Đoan**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương**- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Hà Ngọc Thư Trúc** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 tháng 11 và ngày 16 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “*Thừa kế theo di chúc; di sản dùng vào việc thờ cúng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 173/2022/DS-ST ngày 22 tháng 06 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 269/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị T, sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp TY, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Người đại theo uỷ quyền: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1959 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 191 Lê Đại Hành, Phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

(Văn bản uỷ quyền ngày 02/3/2021)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị T luật sư Nguyễn Hữu T2, thuộc văn phòng luật sư Nguyễn Hữu T2 - Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Địa chỉ: TY, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Lữ Văn T3, sinh năm 1988 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp PX, xã Hưng Khánh Trung A, huyện Mô Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

(Văn bản uỷ quyền ngày 03/12/2022).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: TY, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện uỷ quyền: Lữ Văn T3, sinh năm 1988 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp PX, xã Hưng Khánh Trung A, huyện Mô Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

2. Nguyễn Đại Tâm N, sinh năm 2008

3. Nguyễn Ngọc Như H, sinh năm 2011

Đại diện theo pháp luật của cháu N và cháu H: Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1975 và Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1979 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: TY, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

4. Nguyễn Kim N1, sinh năm 1955 (Xin vắng mặt).

5. Nguyễn Văn L, sinh năm 1963 (Xin vắng mặt).

6. Nguyễn Thị A, sinh năm 1966 (Xin vắng mặt).

7. Nguyễn Văn K, sinh năm 1968 (Xin vắng mặt).

8. Nguyễn Văn S, sinh năm 1971 (Xin vắng mặt).

9. Nguyễn Thị Kim L1, sinh năm 1973 (Xin vắng mặt).

10. Lê Nguyễn Tấn P, sinh năm 1988 (Xin vắng mặt).

11. Lê Thị Mỹ L2, sinh năm 1991 (Xin vắng mặt).

12. Lê Thị Mỹ V, sinh năm 2000 (Xin vắng mặt).

13. Lê Nguyễn Tấn L2, sinh năm 2003 (Xin vắng mặt).

14. Phạm Lê Tường V1, sinh năm 2012 (Vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của cháu V: Lê Thị Mỹ L2, sinh năm 1991 (Xin vắng mặt)

15. Trần Thị Phượng L2, sinh năm 1973 (Xin vắng mặt).

16. Nguyễn Sơn V2, sinh năm 1998 (Xin vắng mặt).

17. Nguyễn Sơn Q, sinh năm 2000 (Xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp TY, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

18. Nguyễn Thị Kim A1, sinh năm 1967 (Xin vắng mặt).

19. Nguyễn Hùng Đ, sinh năm 1975 (Xin vắng mặt).

20. Nguyễn Thắng L3, sinh năm 1979 (Xin vắng mặt).

21. Nguyễn Thanh B, sinh năm 1985 (Xin vắng mặt).

22. Nguyễn Thị Kim T4, sinh năm 1983 (Xin vắng mặt).

23. Lê Thị Mỹ L4, sinh năm 1971 (Xin vắng mặt).

24. Nguyễn Thị Mỹ T5, sinh năm 1991 (Xin vắng mặt).

25. Nguyễn Thị Mỹ T6, sinh năm 1994 (Xin vắng mặt).

26. Nguyễn Hùng T7, sinh năm 2000 (Xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp TH, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

27. Nguyễn Thị Kim N2, sinh năm 1971 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp HB, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

28. Nguyễn Thị Tú T8, sinh năm 1972 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 80 LDT, phường 1, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

29. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn P1. Chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 371 đường HV, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Ngọc H1 – Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Gò Công Tây (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn VB, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

(Văn bản uỷ quyền ngày 21/02/2020)

-Người làm chứng:

1. Trương Thị Mỹ L5, sinh năm 1963 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TY, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

2. Nguyễn Thành P, sinh năm 1960 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TA, xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Thị T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, Người đại diện uỷ quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Nguồn gốc phần đất diện tích 2.132,0 m², thửa đất số 320, tờ bản đồ số 9, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS07433 ngày 16/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Nguyễn Thành Đ và

ngôi nhà tường ông Nguyễn Thành Đ đang ở, tọa lạc tại ấp TY, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang là di sản của cụ Nguyễn Văn B1 và cụ Nguyễn Thị X. Vào năm 2004, cụ B1 và cụ X còn sống có lập tờ di chúc ngày 22/6/2004, có chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị di chúc đất, nhà cho ông Đ thừa hưởng, quản lý và lo việc cúng giỗ ông bà, không được sang bán. Sau khi cụ B1 và cụ X chết, ông Đ tiếp tục quản lý, sử dụng nhà, đất và tự kê khai, lập thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân ông Đ đứng tên, không đúng với ý định di chúc của cụ B1 và cụ X. Đồng thời qua thời gian quản lý, sử dụng nhà, đất ông Đ có ý định thế chấp, chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác; không thực hiện việc cúng giỗ ông bà.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Văn T1 đại diện ủy quyền của bà Tươi yêu cầu:

- Xác định căn nhà tường ông Nguyễn Thành Đ đang ở và thửa đất số 320, tờ bản đồ số 9, diện tích 2.132m², tọa lạc ấp TY, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang là di sản dùng vào việc thờ cúng; không được chia thừa kế; không được cầm cố, thế chấp hoặc bất cứ hình thức chuyển nhượng nào khác; nếu vì khó khăn chuyển nhượng đất, phải có sự thống nhất, ý kiến của các thừa kế.

- Giao ngôi nhà tường ông Nguyễn Thành Đ đang ở cho bà Nguyễn Kim N1 quản lý, thờ cúng.

- Buộc ông Nguyễn Thành Đ khai bổ sung tại cơ quan có thẩm quyền về nội dung hạn chế của người sử dụng đất; đồng thời yêu cầu kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CS07433 ngày 16/5/2019 cấp cho Nguyễn Thành Đ để điều chỉnh, bổ sung nội dung hạn chế quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thành Đ, theo ý chí định đoạt của cụ Nguyễn Văn B1 và cụ Nguyễn Thị X.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Thành Đ, ông Phạm Ngọc Dũng trình bày: Nguồn gốc phần đất diện tích 2.132,0 m², thửa đất số 320, tờ bản đồ số 9 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS07433 ngày 16/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Nguyễn Thành Đ và ngôi nhà tường ông Nguyễn Thành Đ đang ở, tọa lạc tại ấp TY, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang là di sản của cụ Nguyễn Văn B1 và cụ Nguyễn Thị X đã di chúc cho ông Đ thừa hưởng, quản lý. Tờ di chúc do cụ Nguyễn Văn B1 và cụ Nguyễn Thị X lập ngày 22/6/2004 đã được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị chứng thực, số chứng thực 01, quyền số 01 là hợp pháp. Sau khi cụ B1 và cụ X

chết, ông Đ tiếp tục quản lý, sử dụng nhà, đất và khai nhận di sản thừa kế, lập thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đồng thời Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thành Đ. Hiện nay căn nhà tường và diện tích đất 2.312m², thửa 320 ông Đ và vợ con ông Đ quản lý, sử dụng để ở, canh tác đất không có thể chấp, chuyển nhượng đất cho ai. Di chúc mà cụ B1 và cụ X lập đã định đoạt nhà, đất cho ông Đ thừa hưởng, quản lý; trong di chúc không có nội dung nào ghi nhà và thửa đất số 320, diện tích 2.132m² của cụ B1 và cụ X khi qua đời là di sản dùng vào việc thờ cúng; nên căn nhà tường ông Đ và vợ con ông Đ đang ở và thửa đất số 320, diện tích 2.132,0m² mà ông Đ đang quản lý, sử dụng không phải là di sản dùng vào việc thờ cúng. Ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp và thực hiện tốt việc cúng giỗ ông bà, nên ông Đ không đồng ý kê khai điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không đồng ý giao nhà cho bất cứ ai quản lý.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ngọc T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Ngọc D trình bày: Bà T1 thống nhất theo ý kiến của ông Nguyễn Thành Đ. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kim N1 trình bày: Bà N1 thống nhất theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị T; ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S trình bày: Ông Sơn thống nhất theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị T; ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Tú T8 có đơn xin vắng mặt, theo bản tự khai ngày 10/02/2022 các ông, bà trình bày: Các ông, bà thống nhất theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị T; ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Kim A1, Nguyễn Thị Kim N2, Nguyễn Thị Kim L1, anh Nguyễn Thắng L3 có đơn xin vắng mặt, theo bản tự khai ngày 10/02/2022: Bà A1, bà N2, bà L1, anh L3 thống nhất theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị T; ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chị Nguyễn Thị Kim N2, chị Nguyễn Thị Kim T4 có đơn xin vắng mặt; theo bản tự khai ngày 18/12/2019: Chị N2 và chị T4 thống nhất theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị T; ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị Phượng L2, anh Nguyễn Sơn V2, anh Nguyễn Sơn Q có đơn xin vắng mặt; theo bản tự khai ngày

10/02/2022: Bà L2, anh V2, anh Q thống nhất theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị T; ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Anh Lê Nguyễn Tấn P, chị Lê Thị Mỹ L2, chị Lê Thị Mỹ V, anh Lê Nguyễn Tấn L2 có đơn xin vắng mặt; theo bản tự khai ngày 10/02/2022: Anh P, chị L2, chị V, anh L2 thống nhất theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị T; ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Lê Thị Mỹ L4, chị Lê Thị Mỹ T6, chị Lê Thị Mỹ T5, anh Nguyễn Hùng T7 có đơn xin vắng mặt; theo bản tự khai ngày 10/02/2022: Bà L4, chị T6, chị T5, anh T7 thống nhất theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị T; ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Anh Nguyễn Hùng Đ, anh Nguyễn Thanh B có đơn xin vắng mặt; nhưng không có lời khai thể hiện ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đại diện theo ủy quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang, ông Nguyễn Ngọc H1 có đơn xin vắng mặt; theo văn bản số 702/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 21/02/2020; đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang trình bày:

Căn cứ Tờ di chúc được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị chứng thực ngày 30/6/2004, số chứng thực 01. Ông Nguyễn Thành Đ tiến hành khai nhận phần di sản được thừa kế từ ông Nguyễn Văn B1 và bà Nguyễn Thị X là thửa đất 320, tờ bản đồ số 9, diện tích 2132m², tọa lạc ấp TY, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00709 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây cấp cho ông Nguyễn Văn B1 và bà Nguyễn Thị X theo văn bản khai nhận di sản thừa kế được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị chứng thực ngày 05/4/2019, số chứng thực 23, quyền số 01/2019-SCT/HĐ-GD. Ngày 16/5/2019 Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho ông Nguyễn Thành Đ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vào sổ số CS07433.

Về trình tự thủ tục, hồ sơ thừa kế quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn Văn B1 và bà Nguyễn Thị X sang ông Nguyễn Thành Đ được Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ. Tuy nhiên qua xem xét nội dung khởi kiện, đồng thời liên kết với hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Thành Đ cần bổ sung nội dung hạn chế của người sử dụng đất theo đúng nguyện vọng của người để lại di sản cho phù hợp.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến.

Người làm chứng: bà Trương Thị Mỹ L5 trình bày: Ông Nguyễn Thành P là bạn của bà Lê. Ông P có đến nhà bà Lê để đi xem miếng đất diện tích 2206m² mà ông Đ kêu bán giá là 3.800.000.000 đồng; bà Lê có nói với ông Phước đất của gia đình bà Nguyễn Kim N1, đất dùng để thờ cúng, đồng sở hữu, đang tranh chấp, không có bán đất; nên ông P không đi xem đất, không mua đất.

- Người làm chứng Ông Nguyễn Thành P có đơn xin vắng mặt; theo tờ tự khai, ông Phước trình bày: Ông P có xuống nhà bà Trương Thị Mỹ L5 để đi xem một miếng đất diện tích 2.206m² của ông Nguyễn Thành Đ kêu bán giá 3.800.000.000 đồng; ông Phước nghe bà L5 nói đất của chị bà Lê là bà Nguyễn Kim N1; đất, nhà thờ cúng, đồng sở hữu, đang tranh chấp; nên ông Phước không mua đất.

Tại Bản án dân sơ thẩm số 173/2022/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang áp dụng Điều 624, 645 Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 147, 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự. Xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu xác định thửa đất số 320, diện tích 2.132,0m², tờ bản đồ số 9 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS07433 ngày 16/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Nguyễn Thành Đ và ngôi nhà ông Nguyễn Thành Đ đang ở (nhà số 1), tọa lạc tại ấp TY, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang là di sản dùng vào việc thờ cúng; (có sơ đồ T2ch do thửa đất kèm theo).

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu giao ngôi nhà ông Nguyễn Thành Đ đang ở (nhà số 1), tọa lạc tại ấp TY, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang cho bà Nguyễn Kim N1 quản lý, thờ cúng.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu ông Nguyễn Thành Đ kê khai bổ sung về nội dung hạn chế quyền của người sử dụng đất và yêu cầu kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS07433 ngày 16/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Nguyễn Thành Đ để điều chỉnh, bổ sung nội dung hạn chế quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thành Đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 04/7/2022, nguyên đơn Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm số 173/2022/DSST

ngày 22/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang; chấp nhận theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và rút một phần yêu cầu kháng cáo là không yêu cầu giao ngôi nhà ông Đ đang ở cho bà Nguyễn Kim N1 quản lý, thờ cúng. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng ý xác định hạn chế 2/3 thửa đất 320 theo diện tích thực tế, 1/3 diện tích còn lại yêu cầu xác định là của ông Đ. Tuy nhiên cấp sơ thẩm chưa xác định diện tích thực tế để hạn chế là bao nhiêu và chưa xác định được tứ cận, hơn nữa trên đất có hai căn nhà của bà A và ông S có bị ảnh hưởng gì khi hạn chế không, do đó đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị T phát biểu ý kiến: Nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, theo tờ di chúc của cụ B1 và cụ X tính đến nay vẫn còn giá trị pháp lý. Đất thổ + quả và căn nhà giao cho anh Đ quản lý, sử dụng và lo thờ cúng nhưng anh Đ đã đi kê khai đứng tên cá nhân và có ý định sang bán là không phù hợp với nội dung di chúc. Theo nội dung di chúc, số tài sản còn lại là 01 căn nhà và 2.206m² đất thổ, quả chỉ giao anh Đ quản lý, sử dụng lo cúng giỗ.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Đ là sai. Sở Tài nguyên và Môi trường đã thừa nhận tại công văn số 702 ngày 21/02/2022, đối chiếu với tờ di chúc của cụ B1, cụ X xét thấy đơn kháng cáo của bà Tươi là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Tươi sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tươi.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến khi xét xử Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội quy phòng xử án và thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng pháp luật; Về nội dung vụ án: Diện tích đất 2.132m² cùng căn nhà tường lợp tol thiết nền gạch bông tọa lạc ấp TY, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang được xác định là tài sản chung của cụ B1, cụ X và ông Đ. Tại phiên tòa ngày 21/11/2022 người đại diện ủy quyền của bà Tươi có yêu cầu ngừng phiên tòa để đo đạc thẩm định nhưng sau đó bà Tươi rút toàn bộ yêu cầu đo đạc, thẩm định. Trên đất còn có hai căn nhà của bà Ánh và ông Sơn cấp sơ thẩm chưa xác định được giá trị và ý kiến của những người này đối với tài sản của họ. Hơn nữa hàng thừa kế của cụ B1 và cụ X còn có bà Nguyễn Thị H nhưng cấp sơ thẩm chưa đưa vào tham gia tố tụng là thiếu sót, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Tươi lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: “Di sản thừa kế theo di chúc; di sản dùng vào việc thờ cúng” là thừa và chưa đúng pháp luật, cần xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “Thừa kế theo di chúc; di sản dùng vào việc thờ cúng”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Kim N1, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị A, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị Kim L1, Lê Nguyễn Tấn P, Lê Thị Mỹ L2, Lê Thị Mỹ V, Lê Nguyễn Tấn L2, Trần Thị Phương L2, Nguyễn Sơn V2, Nguyễn Sơn Q, Nguyễn Thị Kim A1, Nguyễn Hùng Đ, Nguyễn Thắng L3, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Thị Kim T4, Lê Thị Mỹ L4, Nguyễn Thị Mỹ T5, Nguyễn Thị Mỹ T6, Nguyễn Hùng T7, Nguyễn Thị Kim N2, Nguyễn Tú Trinh, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Ngọc H1 đều có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nói trên.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu:

- Xác định căn nhà tường ông Nguyễn Thành Đ đang ở và thửa đất số 320, tờ bản đồ số 9, diện tích 2.132m² tọa lạc ấp TY, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang là di sản dùng vào việc thờ cúng; không được chia thừa kế; không được cầm cố, thế chấp hoặc bất cứ hình thức chuyển nhượng nào khác; nếu vì khó khăn chuyển nhượng đất phải có sự thống nhất, ý kiến của các thừa kế.

- Giao ngôi nhà tường ông Nguyễn Thành Đ đang ở cho bà Nguyễn Kim N1 quản lý, thờ cúng.

- Buộc ông Nguyễn Thành Đ khai bổ sung tại cơ quan có thẩm quyền về nội dung hạn chế của người sử dụng đất; đồng thời yêu cầu kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CS 07433 ngày 16/5/2019 cấp cho Nguyễn Thành Đ để điều chỉnh, bổ sung nội dung hạn chế quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thành Đ, theo ý chỉ định đoạt của cụ Nguyễn Văn B1 và cụ Nguyễn Thị X.

Án sơ thẩm xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Bà Tươi không đồng ý nên có yêu cầu kháng cáo.

[3] Xét nội dung kháng cáo và yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Nguồn gốc phần đất diện tích 2.132m^2 thuộc thửa số 320, tờ bản đồ số 9 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 885587 ngày 16/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Nguyễn Thành Đ và ngôi nhà tường ông Nguyễn Thành Đ đang ở tọa lạc tại ấp TY, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang là di sản của cụ Nguyễn Văn B1 và cụ Nguyễn Thị X để lại. Theo tờ di chúc do cụ B1 và cụ X lập ngày 22/6/2004 đã được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Trị chứng thực, số chứng thực 01, quyển số 01 nội dung có ghi “...số còn lại gồm đất thổ và đất quả là 2.206m^2 (đất thổ 200m^2), đất ruộng 29 sào (2.900m^2), một cái nhà tường lợp tol thiết lốt gạch bông và một số đồ đạc trang T2 trong nhà thuộc về vợ chồng tôi và con trai út tên Nguyễn Thành Đ quản lý và sử dụng. Sau khi vợ chồng tôi qua đời thì số tài sản còn lại của vợ chồng tôi giao cho Đại thừa hưởng, quản lý và lo việc cúng giỗ ông bà, không được sang bán. Vì hoàn cảnh khó khăn nào đó sang bán phải hội ý và được sự thống nhất của anh chị thì mới được bán một phần đất để giải quyết khó khăn, còn nhà thờ vẫn giữ gìn lại. Sau khi cha mẹ qua đời, các con phải hòa thuận xem theo lời di chúc này mà vui vẻ nhận phần của cha mẹ để lại, lo làm ăn sinh sống, không tranh chấp cãi vã nhau.... Theo nội dung tờ di chúc: “...số còn lại gồm đất thổ và đất quả là 2.206m^2 (đất thổ 200m^2), đất ruộng 29 sào (2.900m^2), một cái nhà tường lợp tol thiết lốt gạch bông và một số đồ đạc trang T2 trong nhà thuộc về vợ chồng tôi và con trai út tên Nguyễn Thành Đ quản lý và sử dụng”. Như vậy, cụ B1 và cụ X đã mặc nhiên xác định số tài sản còn lại là tài sản chung của hai cụ và ông Đ và hai cụ cũng đã xác định là sau khi hai cụ qua đời thì số tài sản còn lại của hai cụ giao cho ông Đ thừa hưởng, quản lý và lo việc cúng giỗ ông bà, di chúc không xác định phần tài sản này là di sản dùng vào việc thờ cúng và chỉ định ông Đ là người quản lý để thực hiện việc thờ cúng. Tuy nhiên đây là di chúc có điều kiện “... không được sang bán. Vì hoàn cảnh khó khăn nào đó sang bán phải hội ý và được sự thống nhất của anh chị thì mới được bán một phần đất để giải quyết khó khăn, còn nhà thờ vẫn giữ gìn lại...” nhưng thực tế ông Đ vẫn đang ở, canh tác và sử dụng đất ổn định, không chuyển quyền sử dụng đất cho ai. Bà Tươi cho rằng ông Đ có ý định chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh, vì vậy việc bà Tươi yêu cầu: Xác định căn nhà tường ông Nguyễn Thành Đ đang ở và thửa đất số 320, tờ bản đồ số 9, diện tích 2.132m^2 tọa lạc ấp TY, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang là di sản dùng vào việc thờ cúng; không được chia thừa kế; không được cầm cố, thế chấp hoặc bất cứ hình thức chuyển nhượng nào khác; nếu vì khó khăn chuyển nhượng đất phải có sự thống nhất, ý kiến của các thừa kế là không có căn cứ và không phù hợp. Bởi lẽ trong phần tài sản còn lại này là có phần tài sản của ông Đ trong phần tài sản chung của cụ B1 và cụ X.

[3.2] Đối với yêu cầu giao ngôi nhà ông Nguyễn Thành Đ đang ở cho bà Nguyễn Kim N1 quản lý, thờ cúng, tại phiên tòa phúc thẩm bà Tươi rút yêu cầu kháng cáo đối với yêu cầu này, vì vậy Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu này của bà Tươi.

[3.3] Đối với yêu cầu ông Nguyễn Thành Đ khai bổ sung tại cơ quan có thẩm quyền về nội dung hạn chế của người sử dụng đất; đồng thời yêu cầu kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS 07433 ngày 16/5/2019 cấp cho Nguyễn Thành Đ để điều chỉnh, bổ sung nội dung hạn chế quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thành Đ, theo ý chỉ định đoạt của cụ Nguyễn Văn B1 và cụ Nguyễn Thị X.

Xét thấy, theo tờ di chúc do cụ B1 và cụ X lập ngày 22/6/2004, nội dung có đoạn “...số còn lại gồm đất thổ và đất quả là $2.206m^2$ (đất thổ $200m^2$), đất ruộng 29 sào ($2.900m^2$), một cái nhà tường lợp tol thiết lốt gạch bông và một số đồ đạc trang T2 trong nhà thuộc về vợ chồng tôi và con trai út tên Nguyễn Thành Đ quản lý và sử dụng. Sau khi vợ chồng tôi qua đời thì số tài sản còn lại của vợ chồng tôi giao cho Đại thừa hưởng, quản lý và lo việc cúng giỗ ông bà, không được sang bán....”. Như vậy, cụ B1 và cụ X đã xác định số tài sản còn lại là “đất thổ và đất quả là $2.206m^2$ (đất thổ $200m^2$), đất ruộng 29 sào ($2.900m^2$), một cái nhà tường lợp tol thiết lốt gạch bông và một số đồ đạc trang T2 trong nhà” là tài sản thuộc quyền quản lý và sử dụng của hai cụ và ông Nguyễn Thành Đ, đây được xem là tài sản thuộc sở hữu chung của 03 người. Sau khi cụ B1 chết năm 2010, đối với phần đất ruộng qua đo đạc thực tế có diện tích là $2.657,1m^2$ các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ B1 đã đến Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang lập văn bản phân chia tài sản thừa kế thống nhất cho ông Nguyễn Thành Đ được nhận thừa kế toàn bộ diện tích đất trên và ông Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất trên vào ngày 23/11/2011. Như vậy phần diện tích đất còn lại theo di chúc là $2.206m^2$ (qua đo đạc thực tế là $2132m^2$) đất thổ quả và một cái nhà tường lợp tol thiết lốt gạch bông và một số đồ đạc trang T2 trong nhà vẫn là tài sản chung của cụ B1, cụ X và ông Đ, tuy nhiên theo nguyện vọng của cụ B1 và cụ X sau khi hai cụ qua đời số tài sản còn lại của hai cụ giao cho ông Đ thừa hưởng, quản lý không được sang bán. Như vậy phần tài sản của cụ B1 và cụ X là di sản giao cho ông Đ được thừa hưởng, quản lý nhưng không được quyền định đoạt. Theo nội dung văn bản số 702/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 21/02/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang xác định “Về trình tự thủ tục, hồ sơ thừa kế quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn Văn B1 và bà Nguyễn Thị X sang cho ông Nguyễn Thành Đ được Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Tuy nhiên qua xem xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn, các giấy tờ được Tòa án kèm theo thông báo, đồng thời liên kết với hồ sơ cấp giấy chứng nhận của ông Đ, Sở Tài nguyên và Môi trường nhận thấy Giấy chứng nhận đã cấp cho ông Nguyễn Thành Đ cần bổ sung nội dung hạn chế của người sử dụng đất theo đúng ý nguyện của người để lại di sản cho phù hợp”. Tuy nhiên việc bà Tươi yêu cầu ông Đ khai bổ sung về nội dung hạn chế của người sử dụng đất đối với toàn bộ thửa đất số 320, tờ bản đồ số 9 diện tích $2132m^2$ và yêu cầu kiến nghị Sở tài nguyên và Môi trường thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS 07433 ngày 16/5/2019 cấp cho ông Đ để điều chỉnh, bổ sung nội dung hạn chế quyền sử

dụng đất của ông Đ theo ý chí định đoạt của cụ B1 và cụ X là chưa hoàn toàn phù hợp. Bởi lẽ trong phần tài sản này là có phần tài sản của ông Đ. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện này của bà Tươi là chưa xem xét, đánh giá toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 21/11/2022, người đại diện ủy quyền của bà Tươi có yêu cầu Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa và yêu cầu Tòa án tiến hành đo đạc, xem xét thẩm định đối với thửa đất số 320 và tài sản trên đất là căn nhà của bà Ánh và ông Sơn để hai bên thỏa thuận nhưng đến ngày 22/11/2022 bà Tươi có văn bản không đồng ý thỏa thuận, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo là hạn chế toàn bộ thửa đất số 320, không yêu cầu Tòa án đo đạc, thẩm định.

Tuy nhiên cấp sơ thẩm chưa xác định phần tài sản là di sản của cụ B1 và cụ X trong phần tài sản còn lại theo di chúc, trên thửa đất số 320, diện tích 2.132m² có căn nhà của bà Nguyễn Thị A và nhà của ông Nguyễn Văn S nhưng cấp sơ thẩm chưa tiến hành xem xét, thẩm định và định giá tài sản và cũng chưa có ý kiến của những người này đối với tài sản của họ trên thửa đất có tranh chấp, hơn nữa hàng thừa kế của cụ B1 và cụ X còn có bà Nguyễn Thị Hương nhưng cấp sơ thẩm chưa đưa vào tham gia tố tụng là thiếu sót, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Nhằm đảm bảo hai cấp xét xử cần hủy án sơ thẩm để cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Do án sơ thẩm bị hủy nên Hội đồng xét xử chưa xem xét đến yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn cũng như lời trình bày của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

[6] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 điều 296, khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 173/2022/DS-ST ngày 22/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Tuyết Linh

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Tuyết Linh

